

NGÂN HÀNG NHÀ
NƯỚC
Số: 1087/2001/QĐ-NHNN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 27 tháng 8 năm 2001

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định về tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc Ngân hàng thương mại cổ phần của Nhà nước và nhân dân

Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam số 01/1997/QH10, Luật các tổ chức tín dụng số 02/1997/QH10 ngày 12/12/1997;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 13/1999/QH10 ngày 12/6/1999;

Căn cứ Nghị định số 15/CP ngày 02/3/1993 của Chính phủ về nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm quản lý Nhà nước của Bộ, Cơ quan ngang Bộ;

Căn cứ Nghị định số 49/2000/NĐ-CP ngày 12/9/2000 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của Ngân hàng thương mại;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Các Ngân hàng và tổ chức tín dụng phi ngân hàng,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này "Quy định về tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc Ngân hàng thương mại cổ phần của Nhà nước và nhân dân".

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày ký và thay thế những quy định về tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc Ngân hàng thương mại cổ phần trong "Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Người điều hành Ngân hàng thương mại cổ phần, Công ty tài chính cổ phần" ban hành theo Quyết định 166/QĐ-NH5 ngày 10/08/1994 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước.

Điều 3. Chánh Văn phòng, Vụ trưởng Vụ Các Ngân hàng và tổ chức tín dụng phi ngân hàng, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan thuộc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Giám đốc Chi nhánh Ngân hàng Nhà nước tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Chủ tịch và các thành viên Hội đồng quản trị, Trưởng ban và các thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc Ngân hàng thương mại cổ phần của Nhà nước và nhân dân có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

VỀ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN CỦA NHÀ NƯỚC VÀ NHÂN DÂN

(Ban hành theo Quyết định số 1087/2001/QĐ-NHNN ngày 27/08/2001

của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước)

CHƯƠNG I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Đối tượng và phạm vi điều chỉnh của Quy định này là tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc Ngân hàng thương mại cổ phần của Nhà nước và nhân dân (gọi tắt là Ngân hàng thương mại cổ phần) được phép hoạt động tại Việt Nam theo quy định của Luật các Tổ chức tín dụng và các quy định pháp luật khác có liên quan.

Điều 2.

- Hội đồng quản trị là cơ quan quản trị Ngân hàng thương mại cổ phần, có toàn quyền nhân danh Ngân hàng thương mại cổ phần để quyết định các vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Ngân hàng thương mại cổ phần, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
- Ban kiểm soát là cơ quan kiểm tra hoạt động tài chính của Ngân hàng thương mại cổ phần; giám sát việc chấp hành chế độ hạch toán, hoạt động của hệ thống kiểm tra và kiểm toán nội bộ của Ngân hàng thương mại cổ phần.
- Tổng giám đốc (hoặc Giám đốc đối với Ngân hàng thương mại cổ phần không có chức danh Tổng Giám đốc) là người chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị, trước pháp luật về việc điều hành hoạt động hàng ngày của Ngân hàng thương mại cổ phần.

Điều 3. Những người sau đây không được là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát hoặc làm Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc (hoặc Phó Giám đốc đối với Ngân hàng thương mại cổ phần không có chức danh Phó Tổng Giám đốc):

- Đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự.
- Đã bị kết án về các tội nghiêm trọng xâm phạm an ninh quốc gia, các tội nghiêm trọng xâm phạm sở hữu, các tội nghiêm trọng về kinh tế.
- Đã bị kết án về các tội phạm khác mà chưa được xoá án.
- Đã từng là thành viên Hội đồng quản trị hoặc Tổng Giám đốc (Giám đốc) của một công ty đã bị phá sản, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 50 của Luật phá sản doanh nghiệp.
- Đã từng là đại diện theo pháp luật của một công ty bị đình chỉ hoạt động do vi phạm pháp luật nghiêm trọng.

6. Thuộc đối tượng quy định tại Điều 9, Điều 90 Luật Doanh nghiệp, Điều 17 Pháp lệnh Cán bộ, Công chức và Điều 13 Pháp lệnh chống tham nhũng.
7. Đang vay vốn hoặc đang là người bảo lãnh, tái bảo lãnh khoản tín dụng của chính Ngân hàng thương mại cổ phần đó.
8. Có bố, mẹ, vợ, chồng, con đang vay vốn hoặc đang là người bảo lãnh, tái bảo lãnh khoản tín dụng của chính Ngân hàng thương mại cổ phần đó.
9. Là cổ đông sở hữu trên 10% vốn điều lệ hoặc có bố, mẹ, vợ, chồng, con là cổ đông sở hữu trên 10% vốn điều lệ của Doanh nghiệp đang được Ngân hàng thương mại cổ phần đó cấp tín dụng không có bảo đảm, cấp tín dụng với những điều kiện ưu đãi.
10. Không đảm bảo tiêu chuẩn về đạo đức nghề nghiệp, năng lực điều hành và trình độ chuyên môn theo quy định của Ngân hàng Nhà nước.
11. Không đảm bảo quy định khác do Điều lệ Ngân hàng thương mại cổ phần quy định.

Điều 4. Bố, mẹ, vợ, chồng, con, anh, chị, em ruột của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc không được là thành viên Ban kiểm soát, Kế toán trưởng của cùng một Ngân hàng thương mại cổ phần.

Điều 5.

1. Các trường hợp đương nhiên mất tư cách thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc :

- a) Mất năng lực hành vi dân sự, chết.
 - b) Cổ đông pháp nhân chấm dứt.
 - c) Thuộc đối tượng quy định tại một trong các khoản 1, 2, 3, 4, 5, 6 Điều 3 Quy định này.
 - d) Mất tư cách đại diện quản lý phần vốn góp của cổ đông pháp nhân.
 - đ) Khi bị Toà án trực xuất khỏi lãnh thổ nước Cộng hoà xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.
 - e) Ngân hàng thương mại cổ phần bị thu hồi giấy phép thành lập và hoạt động.
2. Chức danh được Thông đốc Ngân hàng Nhà nước chuẩn y trước đây của những người quy định tại khoản 1 Điều này đương nhiên hết hiệu lực.
3. Trường hợp bị đương nhiên mất tư cách thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ của khoản 1 Điều này, Hội đồng quản trị Ngân hàng thương mại cổ phần phải có ngay văn bản báo cáo kèm tài liệu chứng minh cụ thể gửi lên Chi nhánh Ngân hàng Nhà nước tỉnh, thành phố nơi Ngân hàng thương mại cổ phần đặt trụ sở chính và phải chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của báo cáo này trước pháp luật, đồng thời xử lý theo quy định tại các Điều 13, 14, 22, 23, 29 Quy định này.

Điều 6.

1. Chủ tịch và các thành viên Hội đồng quản trị, Trưởng ban và các thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc Ngân hàng thương mại cổ phần bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong những trường hợp sau:

- a) Năng lực hành vi dân sự bị hạn chế.
- b) Có đơn xin từ chức với lý do hợp lý.
- c) Thuộc đối tượng vi phạm quy định tại khoản 7, 8, 9, 10, 11 Điều 3 và Điều 4 Quy định này.
- d) Không đảm bảo số cổ phần sở hữu tối thiểu do Điều lệ Ngân hàng thương mại cổ phần quy định (đối với thành viên Hội đồng quản trị, Trưởng ban kiểm soát).
- đ) Vi phạm quy định của pháp luật, của Ngân hàng Nhà nước và Điều lệ Ngân hàng thương mại cổ phần về mua bán, chuyển nhượng cổ phần.
- e) Vi phạm quy định của pháp luật, của Ngân hàng Nhà nước và Điều lệ Ngân hàng thương mại cổ phần trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao.
- g) Các trường hợp khác do Đại hội đồng cổ đông quyết định và có ghi trong Điều lệ Ngân hàng thương mại cổ phần.

2. Chủ tịch và các thành viên Hội đồng quản trị, Trưởng ban và các thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc Ngân hàng thương mại cổ phần sau khi bị miễn nhiệm, bãi nhiệm phải chịu trách nhiệm cá nhân đối với các quyết định của mình trong thời gian có tư cách đảm nhiệm chức danh đó.

Điều 7.

1. Trường hợp Ngân hàng thương mại cổ phần bị đặt vào tình trạng kiểm soát đặc biệt, Ban kiểm soát đặc biệt tại Ngân hàng thương mại cổ phần có quyền tạm đình chỉ quyền quản trị, kiểm soát, điều hành của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc nếu xét thấy cần thiết.

2. Trong thời gian bị tạm đình chỉ quyền quản trị, kiểm soát, điều hành hoặc sau khi bị miễn nhiệm, bãi nhiệm chức danh do vi phạm Điều 6 Quy định này và chờ làm thủ tục trình Thống đốc Ngân hàng Nhà nước chuẩn y, các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát được tham dự họp nhưng không được quyền biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát.

Điều 8. Chủ tịch và các thành viên khác trong Hội đồng quản trị, Trưởng ban và các thành viên khác trong Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc của Ngân hàng thương mại cổ phần được bầu, bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm phải được Thống đốc Ngân hàng Nhà nước chuẩn y.

CHƯƠNG II

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

MỤC I. TỔ CHỨC CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 9.

1. Đại hội đồng cổ đông bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên hội đồng quản trị với số cổ đông đại diện ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp chấp thuận. Tỷ lệ cụ thể, hình thức biểu quyết do Điều lệ Ngân hàng thương mại cổ phần quy định.
2. Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị. Hình thức biểu quyết; tỷ lệ số phiếu chấp thuận so với tổng số phiếu biểu quyết do Điều lệ Ngân hàng thương mại cổ phần quy định.
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị là người đại diện theo pháp luật của Ngân hàng thương mại cổ phần và được ghi trong Điều lệ Ngân hàng thương mại cổ phần.

Điều 10.

1. Hội đồng quản trị có số thành viên tối thiểu là 03 người và không vượt quá 11 người. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định và ghi vào Điều lệ Ngân hàng thương mại cổ phần.
2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị từ 02 đến 05 năm, do Đại hội đồng cổ đông quyết định và ghi trong Điều lệ Ngân hàng thương mại cổ phần. Các thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại.
3. Thành viên Hội đồng quản trị phải là cổ đông của Ngân hàng thương mại cổ phần. Thành viên Hội đồng quản trị bắt buộc phải có số cổ phần sở hữu ít nhất bằng mức do Điều lệ Ngân hàng thương mại cổ phần quy định.
4. Chủ tịch và các thành viên khác trong Hội đồng quản trị không được uỷ quyền cho những người không phải là thành viên Hội đồng quản trị thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình.
5. Chủ tịch Hội đồng quản trị của Ngân hàng thương mại cổ phần này không được phép tham gia Hội đồng quản trị hoặc tham gia điều hành tổ chức tín dụng khác, trừ trường hợp tổ chức đó là công ty trực thuộc của Ngân hàng thương mại cổ phần.
6. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được đồng thời là Tổng Giám đốc hoặc Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng thương mại cổ phần. Đối với Ngân hàng thương mại cổ phần nông thôn, Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể kiêm Tổng Giám đốc theo quy định của Điều lệ Ngân hàng thương mại cổ phần nông thôn.
7. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải là người có quốc tịch Việt Nam và cư trú tại Việt Nam trong thời gian đương nhiệm.
8. Trường hợp cổ đông nước ngoài (bao gồm cả người Việt Nam định cư ở nước ngoài) tham gia Hội đồng quản trị phải có thêm các điều kiện sau:
 - a) Tỷ lệ số người tham gia thành viên Hội đồng quản trị chỉ được tương ứng với tỷ lệ vốn góp của tất cả các cổ đông nước ngoài tại Ngân hàng thương mại cổ phần.
 - b) Không làm thành viên Hội đồng quản trị quá 02 tổ chức tín dụng tại Việt Nam.
 - c) Không được giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị của Ngân hàng thương mại cổ phần.